

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH ĐẠI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 06/8/2020  
V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh  
chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Đặng Hoàng Mich.

Ông Đỗ Tấn Thọ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Bi đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B ,

xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị N và anh H sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay.

Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N khai, chị N và anh H có 02 người con chung tên là: Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 23/5/2000 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Trần Duy Kh, sinh ngày: 07/6/2011 hiện đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Tại phiên tòa chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N được tiếp tục nuôi cháu Trần Duy K, sinh ngày: 07/6/2011 cho đến khi cháu Trần Duy K thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị N khai không có nên không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Phạm Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Thanh H và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 17/02/2020 của Công an xã Đ, huyện H. Anh Trần Thanh H có đăng ký thường trú tại: ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Hồng N.

Bị đơn anh Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng anh Trần Thanh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Thanh H.

[4] Về nội N vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2003 ngày 16/02/2003 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, chị N và anh H vẫn sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị N và anh H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng những lần hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh H

đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Hùng.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 người con chung tên là: Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 23/5/2000 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Trần Duy K, sinh ngày: 07/6/2011 hiện đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hiện nay cháu K đang sống chung với chị N vẫn đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của cháu K do đó giao cháu K cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung; về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh H có tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng N đối với anh Trần Thanh H. Chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Thanh H.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Thanh H có 02 người con chung tên là: Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 23/5/2000 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Trần Duy K, sinh ngày: 07/6/2011.

Giao cháu Trần Duy K cho chị Phạm Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Duy K thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Hồng N không yêu cầu anh Phan Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Anh Trần Thanh H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Phạm Thị Hồng N.

Sau khi ly hôn, anh Trần Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Trần Thanh H không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phạm Thị Hồng N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Thanh H.

Anh Trần Thanh H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị Phạm Thị Hồng N.

Chị Phạm Thị Hồng N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Trần Thanh H có tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Hồng N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0010725 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Phạm Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Quang Hải**